

Bản án số: 721/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29/7/2020
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Nguyệt

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng

2. Ông Huỳnh Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Lê – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 07 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2020, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Minh Đ, sinh năm 1992

Thường trú: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H. (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Võ Thiên T, sinh năm 1993

Thường trú: khu phố A, phường Linh X, quận Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí M.

Địa chỉ: khu phố A, phường Trường T, quận Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí M(có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Phạm Minh Đ trình bày: Ông và bà Võ Thiên T tự nguyện kết hôn vào năm 2012 có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường Kim L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H. Sau khi lập gia đình ông bà sống chung với gia đình nhà bà T. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, từ đó cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc. Ông bà đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông xin được ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Phạm Minh A, sinh ngày 30/3/2007. Sau khi ly hôn ông Đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Tài sản chung và nợ chung: Không có

Bị đơn bà Võ Thiên T vắng mặt nhưng có lời khai: Bà thừa nhận lời trình bày của ông Đ về thời điểm kết hôn là đúng, bà T cho rằng cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn gay gắt chủ yếu là mâu thuẫn giữa mẹ của bà và ông Đ nên sau đó bà và ông Đ đã chuyển về nhà cha mẹ ông Đ ở Huế sinh sống để vợ chồng chia sẻ và hiểu nhau hơn. Tuy nhiên, ông Đ lại không sống cùng bà mà lại chuyển ra ngoài sinh sống. Ông bà đã ly thân từ tháng 9/2018 cho đến nay. Bà xác định tình cảm vẫn còn bà không đồng ý ly hôn, tuy nhiên tại bản tự khai ngày 02/7/2020 bà đồng ý ly hôn với ông Đ

Về con chung: Có 01 người con chung tên Phạm Minh A, sinh ngày 30/3/2007. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Phạm Minh Đ và bà Võ Thiên T đều có đơn xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bà Võ Thiên T cư trú tại quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Phạm Minh Đ và bà Võ Thiên T có đơn xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án, vì vậy căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Ông Phạm Minh Đ và bà Võ Thiên T tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 62/2012 ngày 26/6/2012 do Ủy ban nhân phường Kim Long, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp, do đó hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông Phạm Minh Đ và bà Võ Thiên T đã mâu thuẫn trầm trọng, đến nay đời sống hôn nhân không còn tồn tại, vợ chồng không còn gắn bó tình cảm, không còn trách nhiệm chăm sóc lẫn nhau. Do mục đích hôn

nhân không đạt được, ông ĐKiên quyết ly hôn, bà T đồng ý theo yêu cầu của ông Đức, việc thỏa thuận là tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của ông Đức, bà T và tài liệu có trong hồ sơ có cơ sở xác định ông Đ và bà T có 01 người con chung tên Phạm Minh A, sinh ngày 30/3/2007. Hiện người con chung đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng và cả hai đều thống nhất giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đ đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét việc thỏa thuận này của các bên là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Thực hiện vào ngày cuối cùng của mỗi tháng, bắt đầu từ tháng 8/2020 cho đến khi người con chung đủ 18 tuổi và ông Đ phải chịu tiền lãi theo quy định nếu chậm thi hành việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tại Tòa, ông Đ và bà T xác định tài sản chung và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xét.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức là có cơ sở và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 ông Đ phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 238, Khoản 2 Điều 269, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1-/ Chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Minh Đ:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Minh Đ và bà Võ Thiên T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Phạm Minh A, sinh ngày 30/3/2007.

Bà Võ Thiên T trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Phạm Minh A, sinh ngày 30/3/2007. Ông Phạm Minh Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu đồng).

Thực hiện vào ngày cuối cùng của mỗi tháng bắt đầu từ tháng 8/2020 cho đến khi người con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ khi bà Võ Thiên T có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền cấp dưỡng, nếu ông Phạm Minh Đ chưa thi hành, thì hàng tháng ông Phạm Minh Đ còn phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2-/ Về án phí: Ông Phạm Minh Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0056769 ngày 06/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, ông Đ phải nộp tiếp số tiền là 300.000 (ba trăm ngàn đồng). Bà Võ Thiên T không phải chịu án phí.

3-/ Quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xét xử công khai đương sự vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án NDTP.HCM;
- VKS NDQ.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q.Thủ Đức;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các bên đ/sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ánh Nguyệt

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
PHIÊN TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA